

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN

FUSHENG FS 600

000003000187



Phiên bản 4.0

Ngày sửa đổi 24/07/2023

Ngày in 25/07/2023

MỤC 1. NHẬN DẠNG

Tên sản phẩm : FUSHENG FS 600

Mã sản phẩm : FUSG600P20

Thông tin chi tiết về nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp

Tập đoàn Dầu nhờn Petro-Canada
2310 Đường Bờ Hồ Tây
Mississauga L5J 1K2
Canada

Điện thoại : 1-905-403-6785

Số điện thoại khẩn cấp

Số điện thoại khẩn cấp : CHEMTREC: 1-800-424-9300; Trung
tâm kiểm soát chất độc: Tham khảo danh bạ điện thoại địa phương
để biết (các) số khẩn cấp.

Khuyến cáo sử dụng hóa chất và hạn chế sử dụng

Sử dụng được khuyến cáo : FUSHENG FS 600 được sử dụng để bôi trơn không khí và chất trợ
máy nén khí kiểu trục vít quay.

Chất làm mát máy nén này KHÔNG BAO GIỜ được sử dụng trong thiết
bị nén oxy nguyên chất hoặc các loại khí hoạt tính hóa học khác
như clo hoặc hydro clorua.

KHÔNG SỬ DỤNG trong thiết bị thở hoặc thiết bị y tế.

Được soạn bởi : An toàn sản phẩm: +1 905-491-0565

MỤC 2. XÁC ĐỊNH MỐI NGUY CƠ

Phân loại GHS theo Quy định về Sản phẩm Nguy hiểm

Độc tính sinh sản : Loại 2

Thành phần nhãn GHS

Hình ảnh nguy hiểm :



Từ tín hiệu : Cảnh báo

Báo cáo nguy hiểm : Nghi ngờ gây tổn hại khả năng sinh sản.

Tuyên bố phòng ngừa : Phòng ngừa:

Nhận hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.
Không xử lý cho đến khi tất cả các biện pháp phòng ngừa an toàn đã
được đọc và hiểu.
Đeo găng tay bảo hộ/quần áo bảo hộ/bảo vệ mắt/bảo vệ mặt.



Phản hồi: NẾU
bị phơi nhiễm hoặc có lo ngại: Nhận tư vấn/chăm sóc y tế.
Bảo quản:
Khóa cửa.
Xử lý: Vứt
bỏ nội dung/thùng chứa đến nhà máy xử lý chất thải đã được phê duyệt.

Các mối nguy hiểm khác
Không ai biết.

IARC
Không có thành phần nào của sản phẩm này hiện diện ở mức lớn hơn hoặc bằng 0,1% được IARC xác định là có thể xảy ra hoặc được xác nhận là chất gây ung thư ở người.

MỤC 3. THÀNH PHẦN/THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

Chất / Hỗn hợp : Hỗn hợp

Các thành phần

Tên hóa học	Số CAS	Nồng độ (% w/w)
Dầu bôi trơn (dầu mỏ), C20-50, gốc dầu trung tính được xử lý hydro, độ nhớt cao; Dầu gốc - không xác định	72623-85-9	50 - 70
Dầu bôi trơn (dầu mỏ), C15-30, gốc dầu trung tính được xử lý bằng hydro; Dầu gốc - không xác định	72623-86-0	30 - 50
Benzenamin, N-phenyl-, sản phẩm phản ứng với 2,4,4-trimethylpentene	68411-46-1	0,25 - 1

* Nồng độ hoặc phạm vi nồng độ thực tế được giữ lại như một bí mật thương mại

MỤC 4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU

Nếu hít phải : Di chuyển đến nơi có không khí trong lành.
Hô hấp nhân tạo và/hoặc oxy có thể cần thiết.
Tìm tư vấn y tế.

Trường hợp tiếp xúc với da : Trong trường hợp tiếp xúc, rửa ngay da với nhiều nước trong ít nhất 15 phút trong khi cởi bỏ quần áo và giày dép bị nhiễm bẩn.
Rửa sạch da bằng xà phòng và nước hoặc sử dụng chất tẩy rửa da được công nhận.
Giặt quần áo trước khi tái sử dụng.
Tìm tư vấn y tế.

Trong trường hợp tiếp xúc bằng mắt : Tháo kính áp tròng.
Rửa sạch ngay với nhiều nước, cả dưới mí mắt, trong ít nhất 15 phút.
Nhận được sự chăm sóc y tế.

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN

FUSHENG FS 600

000003000187



Phiên bản 4.0 Ngày sửa đổi 24/07/2023 Ngày in 25/07/2023

Nếu nuốt phải : Súc miệng bằng nước.
KHÔNG gây nôn trừ khi được bác sĩ hoặc trung tâm kiểm soát chất độc hướng dẫn làm như vậy.
Không bao giờ cho bất cứ điều gì vô miệng của một người đã bất tỉnh.
Tìm tư vấn y tế.

Các triệu chứng và tác dụng : Người sơ cứu cần tự bảo vệ mình.
quan trọng nhất, cả cấp tính và
biểu hiện chậm

MỤC 5. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

Phương tiện chữa cháy phù hợp : Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.

Phương tiện chữa cháy không phù hợp : Không có thông tin.

Các mối nguy hiểm cụ thể trong quá trình chữa cháy : Làm mát các thùng chứa kín tiếp xúc với lửa bằng cách phun nước.

Sản phẩm cháy nguy hiểm : Các oxit cacbon (CO, CO2), khói và hơi khó chịu là sản phẩm của quá trình đốt cháy không hoàn toàn.

Thêm thông tin : Ngăn chặn nước chữa cháy làm ô nhiễm bề mặt nước hoặc hệ thống nước ngầm.

PHẦN 6: BIỆN PHÁP BÁO CÁO TAI NẠN

Biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo hộ và quy trình khẩn cấp : Sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân.
Đảm bảo thông gió đầy đủ.
Sơ tán nhân viên đến các khu vực an toàn.
Vật liệu có thể tạo ra tình trạng trơn trượt.
Đánh dấu khu vực bị ô nhiễm bằng các dấu hiệu và ngăn chặn sự tiếp cận của những người không có thẩm quyền.
Chỉ những nhân viên có trình độ được trang bị thiết bị bảo hộ phù hợp mới có thể can thiệp.

những phòng ngừa thuộc về môi trường : Không cho phép xả sản phẩm không kiểm soát ra môi trường.

Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch : Ngăn chặn rò rỉ hoặc tràn thêm nếu thực hiện an toàn.
Hủy bỏ tất cả các nguồn phát lửa.
Đảm bảo với chất hấp thụ trơ.
Nên sử dụng các công cụ không phát ra tia lửa.
Đảm bảo thông gió đầy đủ.
Liên hệ với chính quyền địa phương thích hợp.

PHẦN 7: X H LÝ VÀ BẢO QUẢN

Lời khuyên về phòng chống cháy nổ : Không ai biết.

Lời khuyên về xử lý an toàn : Về bảo vệ cá nhân, xem phần 8.

FUSHENG FS 600

000003000187



Phiên bản 4.0 Ngày sửa đổi 24/07/2023 Ngày in 25/07/2023

Hút thuốc, ăn uống đều bị cấm trong khu vực ứng dụng.

Chỉ sử dụng với thông gió đầy đủ.
Trong trường hợp thiếu gió, đeo thiết bị hô hấp thích hợp.

Tránh tiếp xúc với da, mắt và quần áo.
Không được ăn.
Tránh xa sức nóng và nguồn phát lửa.
Hãy đóng kín công ten nơ khi không sử dụng.

Điều kiện bảo quản an toàn : Bảo quản trong thùng chứa ban đầu.
Thùng chứa đã mở phải được đậy kín cẩn thận và giữ thẳng đứng để tránh rò rỉ.
Giữ ở nơi khô ráo, thoáng mát và thông gió tốt.
Giữ trong các thùng chứa được dán nhãn thích hợp.
Để duy trì chất lượng sản phẩm, không bảo quản ở nơi có nhiệt độ cao hoặc ánh nắng trực tiếp.

PHẦN 8: KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM / BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thành phần có thông số kiểm soát nơi làm việc

Các thành phần	Số CAS	Loại giá trị (Hình thức tiếp xúc)	Thông số kiểm soát/Nồng độ cho phép	Nền tảng
Dầu bôi trơn (dầu mỏ), C20-50, gốc dầu trung tính được xử lý bằng hydro, có độ nhớt cao; Dầu gốc - không xác định	72623-85-9 TWA	(Sương mù)	5 mg/m3	CA AB OEL
		STEL (phân) 10 mg/m3		CA AB OEL
		TWA (Sương) 1 mg/m3		CA BC OEL
		TWAEV (Sương 5 mg/m3 - Bụi hít phải)		CA QC OEL
		TWA (Hít vào vật chất muộn)	5 mg/m3	ACGIH
Dầu bôi trơn (dầu mỏ), C15-30, gốc dầu trung tính được xử lý bằng hydro; Dầu gốc - không xác định	72623-86-0 TWA	(Sương mù)	5 mg/m3	CA AB OEL
		STEL (phân) 10 mg/m3		CA AB OEL
		TWA (Sương) 1 mg/m3		CA BC OEL
		TWAEV (Sương 5 mg/m3 - Bụi hít phải)		CA QC OEL
		TWA (Hít vào vật chất muộn)	5 mg/m3	ACGIH

Các biện pháp kỹ thuật : Không có yêu cầu thông gió đặc biệt. Hệ thống thông gió chung tốt phải đủ để kiểm soát sự tiếp xúc của người lao động với các chất gây ô nhiễm trong không khí.

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN

FUSHENG FS 600

000003000187



Phiên bản 4.0

Ngày sửa đổi 24/07/2023

Ngày in 25/07/2023

Thiết bị bảo vệ cá nhân

Bảo vệ hô hấp

: Sử dụng thiết bị bảo vệ hô hấp trừ khi có đủ khí thải cục bộ thông gió được cung cấp hoặc đánh giá phơi nhiễm chứng minh rằng mức phơi nhiễm nằm trong hướng dẫn phơi nhiễm được khuyến nghị. Việc lựa chọn mặt nạ phòng độc phải dựa trên mức độ phơi nhiễm đã biết hoặc dự đoán, các mối nguy hiểm của sản phẩm và giới hạn hoạt động an toàn của mặt nạ đã chọn.

Tuýt lọc

: bộ lọc hơi hữu cơ

bảo vệ tay

Vật liệu

: cao su tổng hợp, nitrile, rượu polyvinyl (PVA), Viton®.

Bình luận

: Găng tay chống hóa chất, không thấm nước tuân thủ quy định tiêu chuẩn đã được phê duyệt phải luôn được đeo khi xử lý các sản phẩm hóa chất nếu đánh giá rủi ro cho thấy điều này là cần thiết.

Bảo vệ mắt

: Đeo kính che mặt và bộ đồ bảo hộ khi xử lý bất thường các vấn đề.

Bảo vệ da và cơ thể

: Chọn biện pháp bảo vệ cơ thể tùy theo loại, nồng độ và lượng chất nguy hiểm cũng như nơi làm việc cụ thể.

Biện pháp bảo vệ

: Giặt quần áo nhiễm bẩn trước khi tái sử dụng.

các biện pháp vệ sinh

: Cởi bỏ và giặt quần áo và găng tay bị nhiễm bẩn, kể cả bên trong, trước khi sử dụng lại.
Rửa mặt, tay và bất kỳ vùng da nào tiếp xúc thật kỹ sau khi xử lý.

MỤC 9. CÁC TÍNH CHẤT VẬT LÝ, HÓA HỌC

Vẻ bề ngoài

: chất lỏng nhớt

Màu sắc

: Màu vàng nhạt

Mùi

: Hydrocacbon.

Ngưỡng của mùi hương

: Không có dữ liệu

pH

: Không có dữ liệu

cho điểm

: -42°C (-44°F)

Điểm sôi/khoảng sôi

: Không có dữ liệu

Điểm sáng

: 253 °C (487 °F)
Phương pháp: Cốc mở Cleveland

Điểm cháy

: 271°C (520°F)

Tỷ lệ bay hơi : Không có dữ liệu

Internet: dau.nhien.petro-canada.com/sds Các nhãn hiệu được sở hữu hoặc sử dụng theo giấy phép.

Trang: 5 / 10

Dầu nhớt Petro-Canada là thương hiệu HF Sinclair

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN

FUSHENG FS 600



000003000187

Phiên bản 4.0 Ngày sửa đổi 24/07/2023 Ngày in 25/07/2023

Tính dễ cháy	: Ghi chú: Nguy cơ cháy thấp. Vật liệu này phải được đun nóng cháy trước sẽ xảy ra.
Nhiệt độ tự bốc cháy	: Không có dữ liệu
Giới hạn nổ trên / Giới hạn cháy nổ trên	: Không có dữ liệu
Giới hạn nổ dưới/Giới hạn cháy dưới	: Không có dữ liệu
Áp suất hơi	: Không có dữ liệu
Mật độ hơi tương đối	: Không có dữ liệu
Mật độ tương đối	: Không có dữ liệu
Tỉ trọng	: 0,861 kg/l (15°C)
Độ hòa tan Độ hòa tan trong nước	: không hòa tan
Hệ số phân chia: n octanol/ nước	: Không có dữ liệu
Độ nhớt Độ nhớt, động học	: 47,2 cSt (40°C) 7,2 cSt (100°C)
Tính chất nổ	: Không tạo áp lực, cắt, hàn, hàn đồng, hàn, khoan, mài hoặc để các thùng chứa tiếp xúc với nhiệt hoặc nguồn gây cháy.

MỤC 10. ĐỘ ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

Khả năng phản ứng nguy hiểm	: Sự polyme hóa nguy hiểm không xảy ra. Ổn định trong điều kiện bình thường.
Điều kiện cần tránh	: Không có dữ liệu
Vật liệu không tương thích	: Phản ứng với các chất oxy hóa, axit, kiềm và chất khử đại lý.
Sản phẩm phân hủy nguy hiểm	: Có thể giải phóng các monome COx, NOx, SOx, methacrylate, khói và hơi khó chịu khi đun nóng để phân hủy.

MỤC 11. THÔNG TIN ĐỘC TỐ

Thông tin về các đường phơi nhiễm có thể xảy ra
Giao tiếp bằng mắt
Nhập
Hít vào
Tiếp xúc với da

FUSHENG FS 600

000003000187



Phiên bản 4.0 Ngày sửa đổi 24/07/2023 Ngày in 25/07/2023

Độc tính cấp tính

Sản phẩm:

- Độc tính cấp tính qua đường miệng : Ghi chú: Không có dữ liệu
- Độc tính cấp tính qua đường hô hấp : Ghi chú: Không có dữ liệu
- Độc tính cấp tính qua da : Ghi chú: Không có dữ liệu

Các thành phần:

Dầu bôi trơn (dầu mỏ), C20-50, gốc dầu trung tính được xử lý hydro, có độ nhớt cao;
Dầu gốc - không xác định:

- Độc tính cấp tính qua đường miệng : LD50 (Chuột): > 5.000 mg/kg,
- Độc tính cấp tính qua đường hô hấp : LC50 (Chuột): > 5,2 mg/l
Thời gian phơi sáng: 4 h
Môi trường thử nghiệm: bụi/sương mù

Độc tính cấp tính qua da : LD50 (Thỏ): > 2.000 mg/kg,

Dầu bôi trơn (dầu mỏ), C15-30, gốc dầu trung tính được xử lý bằng hydro; Dầu gốc - không xác định:

- Độc tính cấp tính qua đường miệng : LD50 (Chuột): > 5.000 mg/kg,
- Độc tính cấp tính qua đường hô hấp : LC50 (Chuột): > 5,2 mg/l
Thời gian phơi sáng: 4 h
Môi trường thử nghiệm: bụi/sương mù

Độc tính cấp tính qua da : LD50 (Thỏ): > 2.000 mg/kg,

Ăn mòn/kích ứng da

Sản phẩm:

Bình luận : Không có dữ liệu

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

Sản phẩm:

Bình luận : Không có dữ liệu

Gây mẫn cảm đường hô hấp hoặc da

Không có dữ liệu

Năng gây đột biến tế bào mầm

Không có dữ liệu

Tính gây ung thư

Không có dữ liệu

Độc tính sinh sản

Không có dữ liệu

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN

FUSHENG FS 600

000003000187



Phiên bản 4.0 Ngày sửa đổi 24/07/2023 Ngày in 25/07/2023

STOT - phơi sáng đơn lẻ
Không có dữ liệu

STOT - tiếp xúc nhiều lần
Không có dữ liệu

PHẦN 12: THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc tính sinh thái

Sản phẩm:

Độc tính đối với cá : Ghi chú: Không có dữ liệu

Độc tính đối với các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác : Ghi chú: Không có dữ liệu

Độc tính đối với tảo/thực vật thủy sinh : Ghi chú: Không có dữ liệu

Độc tính đối với vi sinh vật : Ghi chú: Không có dữ liệu

Tính bền vững và khả năng phân hủy

Sản phẩm:

Khả năng phân hủy sinh học : Ghi chú: Không có dữ liệu

tiềm năng tích tụ sinh học
Không có dữ liệu

Tính di động trong đất
Không có dữ liệu

Các tác dụng phụ khác
Không có dữ liệu

PHẦN 13 CẦN NHẮC XỬ LÝ

Phương pháp xử lý

Chất thải từ chất thải : Không được phép sản phẩm chảy vào cống rãnh, nguồn nước các khóa học hoặc đất.
Cung cấp các giải pháp dư thừa và không thể tái chế cho một công ty xử lý được cấp phép.
Chất thải phải được phân loại và dán nhãn trước khi tái chế hoặc thải bỏ.
Gửi đến một công ty quản lý chất thải được cấp phép.
Vứt bỏ cặn sản phẩm theo hướng dẫn của người chịu trách nhiệm xử lý chất thải.

Bao bì bị ô nhiễm : Không tái sử dụng các thùng chứa rỗng.

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN

FUSHENG FS 600

000003000187



Phiên bản 4.0

Ngày sửa đổi 24/07/2023

Ngày in 25/07/2023

MỤC 14. THÔNG TIN VẬN TẢI

Quy định quốc tế

IATA-DGR

Không được quy định là hàng hóa nguy hiểm

Mã IMDG

Không được quy định là hàng hóa nguy hiểm

Vận chuyển hàng rời theo Phụ lục II của MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC

Quy định quốc gia

TDG

Không được quy định là hàng hóa nguy hiểm

MỤC 15. THÔNG TIN QUY ĐỊNH

Các thành phần của sản phẩm này được báo cáo trong bản kiểm kê sau:

DSL : Trên hàng tồn kho, hoặc phù hợp với hàng tồn kho

TSCA : Tất cả các chất hóa học trong sản phẩm này đều được liệt kê trong Danh mục TSCA hoặc tuân thủ quy định miễn trừ Hàng tồn kho TSCA.

IECSC : Trên hàng tồn kho, hoặc phù hợp với hàng tồn kho

MỤC 16. THÔNG TIN KHÁC

Toàn văn các chữ viết tắt khác

ACGIH : HOA KỲ. Giá trị giới hạn ngưỡng ACGIH (TLV)

CA AB OEL : Canada. Alberta, Bộ luật An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp (bảng 2: OEL)

CA BC OEL : Canada. British Columbia OEL

CA QC OEL : Québec. Quy định về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, Phụ lục 1, Phần 1: Giá trị phơi nhiễm cho phép đối với các chất gây ô nhiễm trong không khí

ACGIH / TWA : 8 giờ, trung bình tính theo thời gian

CA AB OEL/TWA : Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp 8 giờ

CA TỬ OEL / STEL : Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp 15 phút

CA BC OEL / TWA : Trung bình có trọng số theo thời gian 8 giờ

CA QC OEL/TWAEV : Giá trị phơi sáng trung bình theo trọng số thời gian

AIIC - Cơ quan Kiểm kê Hóa chất Công nghiệp Úc; ANTT - Cơ quan Quốc gia về Vận tải Đường bộ của Brazil; ASTM - Hiệp hội Thử nghiệm Vật liệu Hoa Kỳ; bw - Trọng lượng cơ thể; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc chất độc sinh sản; DIN - Tiêu chuẩn của Viện Tiêu chuẩn Đức; DSL - Danh sách các chất nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến phản ứng x%; ELx - Tốc độ tải liên quan đến phản hồi x%; EmS - Lịch trình khẩn cấp; ENCS - Các chất hóa học hiện có và mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến phản ứng tốc độ tăng trưởng x%; ERG - Hướng dẫn ứng phó khẩn cấp; GHS - Hệ thống hài hòa toàn cầu; GLP - Thực hành tốt phòng thí nghiệm; IARC - Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Quốc tế; IATA - Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế; IBC - Bộ luật quốc tế về xây dựng và Internet: lululutions.petro-canada.com/sds Trang: 9 / 10

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN

FUSHENG FS 600

000003000187



Phiên bản 4.0

Ngày sửa đổi 24/07/2023

Ngày in 25/07/2023

Thiết bị của tàu chở xô hóa chất nguy hiểm; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa một nửa; ICAO - Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế; IECSC - Kiểm kê các hóa chất hiện có ở Trung Quốc; IMDG - Hàng hóa nguy hiểm hàng hải quốc tế; IMO - Tổ chức Hàng hải Quốc tế; ISHL - Luật An toàn và Sức khỏe Công nghiệp (Nhật Bản); ISO - Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế; KECI - Kho hóa chất hiện có của Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người tới 50 % quần thể thử nghiệm; LD50 - Liều gây chết người đối với 50% dân số thử nghiệm (Liều gây chết người trung bình); MARPOL - Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm từ tàu thuyền; nos - Không được chỉ định khác; Nch - Chuẩn mực Chile; NO(A)EC - Nồng độ tác động không quan sát được (có hại); NO(A)EL - Không quan sát được mức độ tác động (bất lợi); NOELR - Tốc độ tải hiệu ứng không thể quan sát được; NOM - Tiêu chuẩn chính thức của Mexico; NTP - Chương trình Chất độc Quốc gia; NZIoC - Kiểm kê Hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế; OPPTS - Văn phòng An toàn Hóa chất và Phòng chống Ô nhiễm; PBT - Chất bền, tích tụ sinh học và chất độc; PICCS - Kiểm kê hóa chất và chất hóa học của Philippines; (Q)SAR - (Định lượng) Mối quan hệ hoạt động cấu trúc; REACH - Quy định (EC) số 1907/2006 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu liên quan đến việc Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất; SADT - Nhiệt độ phân hủy tự tăng tốc; SDS - Bảng dữ liệu an toàn; TCSI - Kiểm kê hóa chất Đài Loan; TDG - Vận chuyển hàng nguy hiểm; TECI - Kiểm kê hóa chất hiện có của Thái Lan; TSCA - Đạo luật kiểm soát chất độc hại (Hoa Kỳ); LHQ - Liên hợp quốc; UNRTDG - Khuyến nghị của Liên Hợp Quốc về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; vPvB - Tích lũy sinh học rất dai dẳng và rất tích lũy; WHMIS - Hệ thống thông tin vật liệu nguy hiểm tại nơi làm việc

Đối với bản sao SDS

: Internet: chất bôi trơn.petro-canada.com/sds

Tây Canada, điện thoại: 1-800-661-1199; fax: 1-800-378-4518

Ontario & Trung Canada, điện thoại: 1-800-268-5850; số fax: 1-800-201-6285

Quebec & Đông Canada, điện thoại: 1-800-576-1686; fax: 1-800-201-6285

Để biết thông tin về an toàn sản phẩm: 1 905-491-0565

Được soạn bởi

: An toàn sản phẩm: +1 905-491-0565

Ngày sửa đổi

: 24/07/2023

Định dạng ngày tháng

: năm/tháng/ngày

Thông tin được coi là chính xác nhưng chưa đầy đủ và sẽ chỉ được sử dụng làm hướng dẫn dựa trên kiến thức hiện tại về chất hoặc hỗn hợp và có thể áp dụng cho các biện pháp phòng ngừa an toàn thích hợp cho sản phẩm.

Thông tin được cung cấp trong Bảng Dữ liệu An toàn này là chính xác theo hiểu biết, thông tin và niềm tin tốt nhất của chúng tôi vào ngày xuất bản. Thông tin được cung cấp chỉ được thiết kế như một hướng dẫn để xử lý, sử dụng, xử lý, lưu trữ, vận chuyển, thải bỏ và giải phóng an toàn và không được coi là một thông số bảo hành hoặc chất lượng. Thông tin chỉ liên quan đến tài liệu cụ thể được chỉ định và có thể không có giá trị đối với tài liệu đó được sử dụng kết hợp với bất kỳ tài liệu nào khác hoặc trong bất kỳ quy trình nào, trừ khi được chỉ định trong văn bản.

AC/EN